

CÔNG KHAI

Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của
Bộ giáo dục và đào tạo, năm học 2025 – 2026

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT số 1 Nguyễn Công Trứ.

2. Địa chỉ, cổng thông tin điện tử:

Địa chỉ: Số 436 đường Giải Phóng, xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Số điện thoại: 02623522187; 0623522843.

Website: <https://c3nguyencongtru.daklak.edu.vn>

Email: thptnguyencongtru.daklak@gmail.com

Facebook: <https://www.facebook.com/nguyencongtru.page>

3. Loại hình: Cơ sở giáo dục công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Kế hoạch giáo dục năm học 2025 – 2026 của nhà trường xác định rõ sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục. Bằng các giải pháp cơ bản trong quá trình vận động xây dựng và phát triển của nhà trường, đồng thời đây cũng là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hiệu trưởng, của Hội đồng sư phạm nhà trường cũng như các hoạt động của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường.

+ Sứ mạng: Trường có sứ mạng tạo dựng môi trường học tập an toàn – thân thiện – sáng tạo, giúp học sinh phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực, tri thức, kỹ năng sống, trở thành công dân có trách nhiệm, có khả năng hội nhập và thích ứng với xã hội hiện đại.

+ Tầm nhìn:

- Xây dựng nhà trường trở thành cơ sở giáo dục chất lượng cao, là điểm sáng trong đổi mới giáo dục phổ thông.

- Là nơi mỗi học sinh được khuyến khích phát triển tối đa năng lực cá nhân, tự tin, sáng tạo và có tinh thần học tập suốt đời.

- Hướng tới hình thành một cộng đồng học tập hiện đại, hội nhập quốc tế nhưng vẫn giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

+ Mục tiêu:

*** Về chất lượng giáo dục**

- Đảm bảo 100% học sinh hoàn thành chương trình THPT, đạt chuẩn năng lực và phẩm chất theo chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Nâng cao tỉ lệ học sinh vào đại học, cao đẳng, học nghề phù hợp.

- Phát triển mạnh các hoạt động giáo dục hướng nghiệp, STEM, ngoại ngữ và tin học.

*** Về đội ngũ giáo viên – cán bộ quản lý**

- 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp; ít nhất 80% đạt trên chuẩn.

- Tăng cường năng lực chuyển đổi số, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra – đánh giá.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên tâm huyết, có tinh thần đổi mới, sáng tạo.

*** Về cơ sở vật chất – công nghệ**

- Hoàn thiện cơ sở vật chất theo hướng trường học thông minh: lớp học số, phòng học bộ môn, phòng STEM, thư viện mở.

- Đảm bảo môi trường học tập xanh – sạch – đẹp, an toàn và hiện đại.

*** Về văn hóa nhà trường**

- Xây dựng văn hóa ứng xử học đường tích cực, tôn trọng, đoàn kết.

- Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, trải nghiệm sáng tạo, hoạt động ngoại khóa.

- Khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động cộng đồng, hướng tới phát triển cộng dân toàn cầu.

5. Quá trình thành lập và phát triển:

Trường được thành lập từ năm 1998 với tên gọi là trường THPT Bán Công Krông Pắc theo Quyết định số: 94/QĐ-UB ngày 21/01/1998 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Đến năm 2010, trường được đổi tên thành trường THPT Nguyễn Công Trứ theo Quyết định số: 540/ QĐ-UBND ngày 02/03/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay với tên gọi là trường THPT số 1 Nguyễn Công Trứ theo Quyết định số: 0133/QĐ-UBND ngày 02/07/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

Qua 27 năm hình thành và phát triển, trường THPT số 1 Nguyễn Công Trứ ngày càng vươn lên mạnh mẽ, khẳng định vai trò và vị thế của mình trong sự nghiệp giáo

dục và đào tạo của tỉnh nhà. Từ quy mô ban đầu trường chỉ có 20 cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB-GV-NV) cùng gần 300 học sinh. Đến nay, trường có quy mô 32 lớp với 1264 học sinh và 83 CB-GV-NV (Cao điểm là năm học 2005 – 2006 có 62 lớp với 3400 học sinh, 82 CB-GV-NV và giáo viên hợp đồng theo năm học).

Trải qua các giai đoạn phát triển, với tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề, đội ngũ CB-GV-NV là những nhân tố quan trọng xây dựng nên uy tín, thương hiệu nhà trường. Trường nhiều năm đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến, được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tặng Giấy khen. Đến nay, trường có 01 giáo viên dạy giỏi cấp Quốc gia; 28 giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh; 05 cán bộ, giáo viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh và nhiều giáo viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở. 03 cán bộ, giáo viên được Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen; 03 cán bộ, giáo viên được Bộ trưởng Bộ Giáo dục tặng Bằng khen; 25 cán bộ, giáo viên được UBND tỉnh tặng Bằng khen. Ngoài ra nhiều CB-GV-NV của trường được Đảng, Nhà nước, các Ban, Ngành, tổ chức Đoàn thể ... khen tặng nhiều danh hiệu cao quý; 100% CB-GV-NV đều đạt chuẩn và trên chuẩn. Bên cạnh đó, thành tích học tập và rèn luyện của học sinh nhà trường đạt được rất nhiều kết quả cao trong các cuộc thi, hội thi, hội diễn do Ngành tổ chức.

Nhiều thế hệ học sinh của nhà trường giờ đã trưởng thành, thành đạt, tham gia học tập, làm việc cả trong và ngoài nước, cống hiến tài, đức của mình cho sự phát triển của đất nước.

Hơn 27 năm qua, trường THPT số 1 Nguyễn Công Trứ ngày càng phát triển vững mạnh, góp phần hoàn thành mục tiêu Giáo dục của Ngành, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ tổ quốc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật; người phát ngôn hoặc người đại diện:

- Người đại diện pháp luật: Mai Quốc Tuấn - Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Địa chỉ nơi làm việc: Số 436, đường Giải Phóng, thôn Phước An 3, xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
- Số điện thoại: 0905054515.
- Email: maiquoctuankp@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Ông Mai Quốc Tuấn theo Quyết định số 348/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Ông Nguyễn Cao Cường theo Quyết định số 349/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Ông Hoàng Ngọc Sơn theo Quyết định số 295/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk.

- Quy chế tổ chức, hoạt động và phân công nhiệm vụ Theo Quyết định số 01/QĐ-S1NCT ngày 08/8/2025 của Hiệu trưởng trường THPT số 1 Nguyễn Công Trứ.

8. Các văn bản khác của nhà trường:

- Kế hoạch giáo dục nhà trường số 01/KH-S1NCT ngày 08/8/2025 của Hiệu trưởng trường THPT số 1 Nguyễn Công Trứ.

- Quyết định thành lập các tổ chuyên môn, văn phòng số 03/QĐ-S1NCT ngày 01/9/2025 của Hiệu trưởng trường THPT số 1 Nguyễn Công Trứ.

- Quyết định thành lập ban chuyên đổi số 04/QĐ-S1NCT ngày 01/9/2025 của Hiệu trưởng trường THPT số 1 Nguyễn Công Trứ.

- Quyết định thành lập ban hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, ban tư vấn tâm lý học sinh số 05/QĐ-S1NCT ngày 01/9/2025 của Hiệu trưởng trường THPT số 1 Nguyễn Công Trứ.

- Các kế hoạch của tổ chuyên môn, văn phòng hàng tháng và năm học của các tổ trưởng chuyên môn.

- Quy chế dân chủ, Quy chế sử dụng hồ sơ điện tử, Quy chế thi đua – khen thưởng, Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Các nội quy, quy định đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Ban Giám hiệu có năng lực quản lý, có tầm nhìn chiến lược, lập trường tư tưởng vững vàng. Hiệu quả công tác quản lý nhà trường đạt kết quả cao.

- Đội ngũ giáo viên đảm bảo về trình độ chuyên môn và cơ cấu giảng dạy các môn học. Phần lớn giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều giáo viên nhiệt tình, tâm huyết, say chuyên môn. Tập thể cán bộ giáo viên có tinh thần đoàn kết, có ý thức phấn đấu vươn lên trong giảng dạy, có tinh thần đấu tranh phê và tự phê tốt, có tinh thần cầu tiến.

- Đội ngũ nhân viên thạo việc, tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Nhà trường luôn quan tâm hàng đầu công tác xây dựng chất lượng đội ngũ; Coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao chất

lượng giáo dục của nhà trường theo kịp xu hướng.

- Đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên THPT số 1 Nguyễn Công Trứ, - Năm học 2025- 2026 cụ thể:

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp hạng III	Chuẩn nghề nghiệp			
			ThS	ĐH	CD		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số	83	9	69	2	75	75	0	0	0
I	Giáo viên	72	6	66	0	72	72			
1	Toán	12		12		12	12			
2	Vật lý	5		5		5	5			
3	Hóa học	6	1	5		6	6			
4	Sinh học	6	1	5		6	6			
5	Công nghệ	1		1		1	1			
6	Ngữ văn	11	2	9		11	11			
7	Địa lý	4		4		4	4			
8	Lịch sử	6		6		6	6			
9	GDKTPL	1		1		1	1			
10	GDTC	6		6		6	6			
11	Tiếng Anh	9	1	8		9	9			
12	Tin học	4	1	3		4	4			
13	GDQP-AN	1		1		1	1			
II	Cán bộ quản lý	3	2	1	0	3	3			
1	Hiệu trưởng	1	1			1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2	1	1		2	2			
III	Nhân viên	8	1	2	2	0	0	0	0	0
1	Văn thư, Thủ quỹ	1			1					
2	Nhân viên Kế toán	1		1						
3	Nhân viên y tế	1			1					
4	Nhân viên Thư viện	1		1						

5	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	1	1							
6	Tạp vụ HĐ 111	1								
7	Bảo vệ ND 111	1								
8	Bảo vệ ND	1								

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Nhà trường có hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ; các phương tiện làm việc ở các phòng học bộ môn, thư viện và các phòng chức năng được trang bị khá đầy đủ, phục vụ tốt cho việc dạy học, quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục khác. Nhà trường lên kế hoạch sửa chữa bổ sung, nâng cấp kịp thời nếu xảy ra hư hỏng. Khu vệ sinh được bố trí hợp lý theo từng khu vực học tập của học sinh và làm việc của giáo viên.

- Trường có tường rào, biển trường, cổng trường. Khuôn viên nhà trường đẹp, hệ thống cây xanh đảm bảo, tạo thuận lợi cho học sinh vui chơi.

- Thông tin CSVC của THPT Số 1 Nguyễn Công Trứ, Năm học 2025-2026 cụ thể:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	34	1,127m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	34	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	2	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp /1	

		phòng	
8	Bình quân học sinh/lớp	40HS/1 Lớp	
III	Số điểm trường	0	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9700m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bài tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1428	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	150	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	70	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	41	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	210	
1.1	Khối lớp 10	70	
1.2	Khối lớp 11	70	
1.3	Khối lớp 12	70	
1.5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
1	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	42	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng			Số thiết bị/lớp		
1	Ti vi		37			
2	Loa bluetooth		13			
3	Đầu Video/đầu đĩa		0			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		4			
5	Thiết bị khác		1 màn hình lớn			
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
II	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/	/	/		
XIII	Khu nội trú	/	/	/		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	8	4/4	0,0789	0,039
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	

XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ GD&ĐT, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

Thực hiện nguyên lý giáo dục “Học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, lí luận gắn liền với thực tiễn”. THPT số 1 Nguyễn Công Trứ đề ra và thực hiện kế hoạch, tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém/chưa đạt cũng được quan tâm đúng mức.

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cũng được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp của BGD&ĐT. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: Tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi hằng năm đều tăng; học sinh giỏi các cấp mỗi năm đều được duy trì về số lượng và chất lượng.

- Kết quả tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026: 8 lớp/352 học sinh.

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
10	438	8	206	66	2
11	519	13	332	111	2
12	381	11	223	26	1
Toàn trường	1248	32	761	223	5

- Chất lượng giáo dục- Năm học 2025-2026 cụ thể:

1. Kết quả 2 mặt học tập, rèn luyện.

1.1. Học tập:

STT	Lớp	Tổng số HS	Học tập			
			Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt

			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường		1248	501	40,64	632	50.64	114	9.13	1	0.08
1	Khối 10	348	84	24.14	188	75	21.55	1	0.29	
2	Khối 11	519	193	37.19	290	36	6.94	0	0	
3	Khối 12	381	224	58.79	154	3	0.79	0	0	

1.2 Rèn luyện:

ST T	Lớp	Tổng số HS	Rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	S L	%
Toàn trường		1248	1172	93.9 1	67	5.3 7	6	0.4 8	3	0.24
1	Khối 10	348	317	91.0 9	28	8.0 5	2	0.5 7	1	0.29
2	Khối 11	519	489	94.2 2	26	5.0 1	2	0.3 9	2	0.39
3	Khối 12	381	366	96.0 6	13	3.4 1	2	0.5 2	0	0

1.3. Khen thưởng:

STT	Lớp	Tổng số HS	Khen thưởng cuối năm			
			Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi	
			SL	%	SL	%
Toàn trường			124	9.94	377	30.21
1	Khối 10		11	3.16	73	20.98
2	Khối 11		58	11.18	135	26.01
3	Khối 12		55	14.44	169	44.36

Thành tích tham gia các cuộc thi do các cấp tổ chức:

- Kỳ thi chọn HSG giỏi cấp trường có 100 học sinh được công nhận.
 - Tham gia dự thi HSG tỉnh: Đạt 21 giải đứng đầu trong cụm chuyên môn số 4.
- Trong đó đạt (01 giải nhất, 01 giải nhì; 11 giải ba; 7 giải KK)
- Số học sinh được công nhận tốt nghiệp: đạt 99.48%.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính

Phụ lục số 02. Số liệu thu, chi ngân sách nhà nước

(Kèm theo Biên bản thẩm tra quyết toán số /BB-TTQT ngày /3/2026 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với Trường THPT Số 1 Nguyễn Công Trứ)

<i>Đvt: Đồng</i>				
S tt	Nội dung	Số đơn vị báo cáo	Số thẩm định quyết toán	Ghi chú
1.	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang			
	- Kinh phí không tự chủ (012)			
	- Kinh phí tự chủ (013)	192.284.787	192.284.787	
	- Kinh phí cải cách tiền lương (014)			
	- Kinh phí cấp sau 30/9 (015)			
	- Kinh phí ngân sách nhà nước khác:			
2.	Dự toán kinh phí được giao đầu năm			
	- Kinh phí không tự chủ (012)	4.479.000.000	4.479.000.000	
	- Kinh phí tự chủ (013)	19.471.000.000	19.471.000.000	
	- Kinh phí Nghị định 73 (018)	956.000.000	956.000.000	
	- Kinh phí ngân sách nhà nước khác			
3.	Dự toán kinh phí điều chỉnh tăng (+), giảm (-) trong năm			
	- Kinh phí không tự chủ (012)	618.000.000	618.000.000	
	- Kinh phí tự chủ (013)	-39.600.000	39.600.000	
	- Kinh phí cải cách tiền lương (014)			
	- Kinh phí cấp sau 30/9 (015)			
	- Kinh phí ngân sách nhà nước khác			
4.	Dự toán kinh phí được sử dụng trong năm (1) + (2) +/- (3)			
	- Kinh phí không tự chủ (012)	4.479.000.000	4.479.000.000	
	- Kinh phí tự chủ (013)	19.544.684.787	19.544.684.787	
	- Kinh phí Nghị định 73 (018)	956.000.000	956.000.000	
	- Kinh phí cấp sau 30/9 (015)			
	- Kinh phí ngân sách nhà nước khác			
5.	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán			
	- Kinh phí không tự chủ (012)	4.113.011.000	4.113.011.000	
	- Kinh phí tự chủ (013)	19.514.180.919	19.514.180.919	
	- Kinh phí Nghị định 73 (018)	956.000.000	956.000.000	
	- Kinh phí cấp sau 30/9 (015)			
	- Kinh phí ngân sách nhà nước khác			

6.	Kinh phí còn lại đến cuối năm (4-5)			
	- Kinh phí không tự chủ (012)	676.989.000	676.989.000	Hủy tại kb
	- Kinh phí tự chủ (013)	30.503.868	30.503.868	Chuyển nguồn
	- Kinh phí cải cách tiền lương (014)			
	- Kinh phí cấp sau 30/9 (015)			
	- Kinh phí ngân sách nhà nước khác			
7.	Chênh lệch thu/chi từ hoạt động thường xuyên			
8.	Phân phối kết quả kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được			
-	Bổ sung thu nhập cho viên chức, người lao động			
-	Chi khen thưởng và phúc lợi			
-	Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho viên chức, người lao động (nếu có)			
-	Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	30.503.868	319.300.658	
9.	Nguồn CCTL còn lại tại đơn vị			

2. Công khai Số liệu thu, chi dịch vụ năm học 2025 -2026

Phụ lục số 03. Số liệu thu, chi dịch vụ

(Kèm theo Biên bản thẩm tra quyết toán số /BB-TTQT ngày /3/2026 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với Trường THPT Số 1 Nguyễn Công Trứ)

Đvt: Đồng

Stt	Nội dung	Thu tiền dạy thêm, học thêm	Thu trông coi phương tiện tham gia giao thông	Thu tuyển sinh vào lớp 10	Thu dịch vụ khác
1.	Số thu năm trước chuyển sang		82.354.500	0	
2.	Số thực tế thu trong năm cả chi phí học tập học sinh chuyển qua.		225.303	76.826.000	
3.	Thuế từ nguồn thu dịch vụ 2%, 10%				
-	Số thuế phải nộp			1.540.000	
-	Số thuế đã nộp			1.540.000	
-	Số thuế còn phải nộp				
4.	Số kinh phí được sử dụng (sau khi trừ thuế)			75.286.000	

			82.579.803		
5.	Số kinh phí đã sử dụng trong năm đề nghị quyết toán		0	75.286.000	
6.	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		0	0	
8.	Phân phối kết quả kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được		82.579.803		
-	Bổ sung thu nhập cho viên chức, người lao động (chi thu nhập tăng thêm)				
-	Chi khen thưởng và phúc lợi				
-	Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho viên chức, người lao động (nếu có)				
-	Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng		82.579.803		
9.	Nguồn CCTL còn lại tại đơn vị	0	0	0	

Mẫu biểu 5

**ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THPT SỐ 1 NGUYỄN CÔNG TRÚ**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	1	2	3	4 = 3-2
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	1	24.714.837.431	24.714.837.431	
a)	Từ NSNN cấp	2	24.583.191.919	24.583.191.919	
b)	Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	3			
c)	Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại -Học phí	4	131.645.512	131.645.512	
2	Chi phí (05=06+07+08)	5	24.583.191.919	24.583.191.919	
a)	Chi phí hoạt động	6	24.583.191.919	24.583.191.919	
b)	Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	7			
c)	Chi phí hoạt động thu phí	8		0	
3	Thặng dư/thâm hụt (09= 01-05)	9	131.645.512	131.645.512	
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ - Giữ xe-TS10		76.826.000	76.826.000	
1	Doanh thu	10	76.826.000	76.826.000	0
2	Chi phí	11	76.826.000	76.826.000	0
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12	0	0	0

III	Hoạt động tài chính				
1	Doanh thu	20			
2	Chi phí	21			
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22			
IV	Hoạt động khác				
1	Thu nhập khác	30			
2	Chi phí khác	31			
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32			
V	Chi phí thuế TNDN 2% - GTGT 10%	40			
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50	131.645.512	131.645.512	
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51	131.645.512	131.645.512	
2	Phân phối cho các quỹ PLTT	52			
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53	0	0	

HIỆU TRƯỞNG

Mai Quốc Tuấn